

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HS - ST

Ngày: 26 - 5 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vinh Quang

Ông Nguyễn Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐHPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn C; sinh năm 2000, tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm 2, H, xã Giao T, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H (đã chết) và bà Phan Thị Nh; Bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 26/01/2020, tạm giam từ ngày 04/02/2020 tại nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh; “có mặt”.

2. Trần Văn N; sinh năm 1990, tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm 5, xã Bình H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Th; Bị cáo chưa có vợ; tiền án: Tháng 7/2009 bị TAND TP Sơn La xử phạt 8 năm 6 tháng tù giam về tội Cướp tài sản. Ra trại tháng 9/2017; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 22/01/2020 tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Bị hại:

Bà Lê Thị N, sinh năm 1947

Địa chỉ: Xóm 2, H, xã Giao T, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Anh Vũ Duy Ng, sinh ngày 11/4/2002

Địa chỉ: Xóm 7 Quyết Th, xã Giao T, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

- Người làm chứng:

Anh Trần Quang Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm 4, xã Thọ Ng, huyện Xuân Tr, tỉnh Nam Định

Chị Lương Thị K; sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm 8, xã H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963

Địa chỉ: Xóm 2, xã Giao H, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Ông Phạm Văn L, sinh năm 1953

Địa chỉ: Xóm 2 Hùng Tiến, xã Gi, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Bà Cao Thị R, sinh năm 1951

Địa chỉ: Xóm 7 H, xã Giao T, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Anh Trần Thế Tr, sinh năm 1998

Địa chỉ: xóm 12, xã Th, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định

Anh Nguyễn Văn Tr; sinh năm 1994

Địa chỉ: Xóm 3 Q, xã Gi, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Bà Nguyễn Thị Th; sinh năm 1961

Địa chỉ: Xóm 5, xã B, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Chị Phạm Thị Nh; sinh năm 1979

Địa chỉ: Xóm 2 H, xã Giao T, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: Có mặt chị Phạm Thị Nh; Những người bị hại và người làm chứng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 9 giờ ngày 8/11/2019, Phạm Văn C đang ở nhà thấy nhà bà Lê Thị N (là bà nội của C) khóa cửa không có ai ở nhà (nhà bà N cạnh nhà C) nên C đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhà bà N lấy tiền tiêu xài. Sau đó C đi bộ ra khu vực chợ xã Giao Tiến thì gặp Trần Văn N đi xe máy nhãn hiệu yamaha- Sirius, BKS: 18G1- 165.08 đang đứng ở đó. Cao hỏi Nam có chỗ nào mua máy giặt không, về nhà bà nội Cao lấy đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Nam hiểu ý là đi trộm cắp tài sản và đồng ý. N gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thị M (là Di của N) hỏi có mua máy giặt không, có người bán, bà Minh đồng ý. Sau đó, N đi xe máy chở C về nhà C rồi sang nhà bà N. Cả hai đi ra phía phòng giặt sau nhà, C dùng tay giặt khóa cửa bật ra. Thấy có chiếc máy giặt nhãn hiệu Panasonic – NA - F80VG9, loại lồng đứng 8kg, màu trắng, Cao cùng Nam bê chiếc máy giặt ra đặt lên xe máy rồi chở đến nhà bà Nguyễn Thị M ở xã Giao Hà bán lấy 800.000đ. C, N tiêu xài chung 300.000đ còn số tiền tiền 500.000 đồng C tiêu xài một mình.

Đến khoảng 8 giờ ngày 11/11/2019, Phạm Văn C tiếp tục nảy sinh ý định sang nhà bà Lê Thị N trộm cắp tài sản (lúc này bà N không có nhà). C đi bộ ra khu vực chợ xã Giao Tiến gặp Trần Quang Đ. Cao rủ Đ về nhà bà N lấy tủ lạnh và bình nóng lạnh đem bán lấy tiền tiêu xài chung. Đ hiểu ý là đi trộm cắp tài sản và đã

đồng ý. Sau đó, C gặp anh Vũ Văn H và hỏi mượn chiếc xe máy yamaha - sirius, màu vàng, BKS: 18G1- 238.91 để đi có việc. Khi mượn được xe máy thì C chở Đ về nhà mình lấy 01 chiếc đục sắt dài khoảng 40 cm, có một đầu dẹp. Cao dẫn Đ đi bộ tắt ngang vườn sang nhà bà N bên cạnh đã khóa cửa vắng nhà. Khi sang đến nơi, C dùng chiếc đục sắt bẩy phá then cửa chính nhưng không được, lúc này Đ đứng bên cạnh cảnh giới. Khi phát hiện có người hàng xóm là ông Phạm Văn L để ý thì C có vút lại chiếc đục sắt tại khu vực cửa. Sau đó, cả hai đi bộ về nhà C lấy xe máy và đi vòng vào nhà bà N theo lối cổng chính. Khi vào đến nơi, C tiếp tục lấy chiếc đục sắt lúc trước bẩy phá then cài cửa nhưng vẫn không được nên bảo Đ lại phá khóa cửa cùng. Khi Đ phá được khóa cửa, cả hai đi vào trong nhà thì nhìn thấy 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu SANYO SR- 11HD, loại 120 lít, màu trắng xám sát tường để trong phòng khách. C và Đ cùng nhau khênh chiếc tủ lạnh ra phía cổng để. Sau đó, C và Đ lại tiếp tục vào trong phòng tắm nhà bà N tháo chiếc bình nóng lạnh và khênh ra phía cổng (chỗ để chiếc tủ lạnh lấy trộm trước đó) rồi cả hai dùng xe máy chở đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Lương Thị K bán chiếc tủ lạnh được 120.000đ, chiếc bình nóng lạnh được 40.000đ rồi tiêu xài chung hết.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Phạm Văn C đi bộ sang nhà anh Vũ Duy Ng (là bạn của em trai C) để mượn xe máy đi chuộc tủ lạnh đã bán trước đó. Do C và anh Ng có quen biết từ trước nên Ng đồng ý đưa chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, Wave α , màu đen bạc, BKS: 18E1- 342.88 của gia đình cho C mượn. Sau đó, C đi chiếc xe máy vừa mượn của anh Ng đi đến nhà Nguyễn Văn Tr để hỏi mượn tiền nhưng Tr không có tiền. Sau đó, C rủ Tr đi cùng đến một số nhà người bạn để hỏi vay tiền nhưng cũng không được nên C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy đã mượn của Ng. C nói với Tr đây là xe của em trai và rủ Tr đi cầm cố chiếc xe lấy tiền tiêu xài, Tr đồng ý. Sau đó, cả hai đi ra khu vực chợ xã Giao Tiến thì gặp Trần Thế Tr đang đứng cùng Phạm Văn Ph. C nói dối Tr đây là xe của vợ Cao và bảo Tr dẫn đi cầm cố, Tr đồng ý. Sau đó cả bốn đi đến cửa hàng cầm đồ của chị Phạm Thị Ng cầm cố chiếc xe máy BKS: 18E1 – 342.88 lấy 3.000.000 đồng rồi cả bốn về nhà nghỉ Khánh Mùng, xã Giao Tiến nghỉ ngơi ăn tiêu hết 400.000đ, còn lại 2.600.000đ C giữ lại tiêu xài cá nhân. Sau đó, cả bốn giải tán đi về, C trốn tránh không về nhà mà nhắn tin cho mẹ để là bà Phan Thị Nh nói dối về việc bị Cảnh sát giao thông bắt ở xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường và bảo bà Nh nhắn cho anh Ng mang tiền và giấy tờ xe lên đó nộp phạt lấy xe về. Ngày hôm sau, Trần Thế Tr tự ý đến nhà chị Ng lấy thêm 500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 16/01/2020 và ngày 17/01/2020, bà Lê Thị N và anh Vũ Duy Ng làm đơn trình báo lên Công an huyện Giao Thủy. Quá trình điều tra, CQ CSĐT Công an huyện Giao Thủy đã triệu tập Phạm Văn C, Trần Văn N lên làm việc. Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Giao Thủy, C, N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm pháp của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Phạm Văn C bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 03/02/2020, Phạm Văn C bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Hóc Môn, Thành phố

Hồ Chí Minh khởi tố về tội “Cướp giật tài sản”. Hiện Cao đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn – TP Hồ Chí Minh.

Ngày 05/12/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Giao Thủy đã định giá xác định:

- “ 01 chiếc máy giặt hiệu PANASONIC, loại 8kg tại thời điểm định giá có trị giá 3.150.000 đồng

- 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANYO SR-11HD, loại 120 lít tại thời điểm định giá có trị giá 600.000 đồng.

- 01 bình nóng lạnh hiệu ARISTON, loại 15 lít tại thời điểm định giá có trị giá 800.000 đồng.

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen bạc tại thời điểm định giá có trị giá 14.400.000 đồng”.

Tại Bản cáo trạng số: 33/CT - VKS ngày 30/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy truy tố bị cáo Phạm Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS. Truy tố Trần Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã giữ nguyên bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Trần Văn Nam phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn C từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Phạm Văn C từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp chung cho cả hai tội buộc Phạm Văn C phải chấp hành hình phạt tù cho cả hai tội từ 21 tháng đến 27 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn Nam từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo chưa có gia đình riêng, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường khắc phục hậu quả, nay không ai có ý kiến gì nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 01 tờ giấy có chữ ký của bà Phạm Thị Ng.

Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì. Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 9 giờ 30 phút, ngày 8/11/2019, Phạm Văn C cùng Trần Văn N điều khiển xe máy BKS: 18G1-165.08 đến nhà bà Lê Thị N ở xóm 2, Hùng Tiến, xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy trộm cắp 01 chiếc máy giặt nhãn hiệu Panasonic -NA- F80VG9, loại lồng đứng 8kg trị giá 3.150.000 đồng.

Khoảng 8 giờ ngày 11/11/2019, Phạm Văn C cùng Trần Quang Đ đến nhà bà Na dùng chiếc đục sắt phá khóa cửa vào bên trong nhà bà Na lấy trộm 01 chiếc tủ lạnh nhãn hiệu SANYO SR- 11HD, loại 120 lít, màu trắng xám trị giá 600.000 đồng và 01 chiếc bình nóng lạnh trị giá 800.000 đồng.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày 11/11/2019, lợi dụng qua quen biết với anh Vũ Duy Ng ở Xóm 7, Quyết Thắng, Giao Tiến, Giao Thủy, Nam Định; Phạm Văn C đã mượn chiếc xe máy BKS 18E1 – 342.88 trị giá 14.400.000 đồng của gia đình anh Ng, rồi mang cầm cố lấy tiền tiêu sài. Như vậy hành vi của Phạm Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, hành vi của Trần Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy truy tố Phạm Văn C về tội: “*Trộm cắp tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và Khoản 1 Điều 175 BLHS. Truy tố Trần Văn N về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương. Để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm minh mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Xét vị trí, vai trò các bị cáo trong vụ án: Phạm Văn C là người khởi xướng, rủ rê Trần Văn N, chiếm hưởng tài sản trộm cắp được nhiều hơn nên bị cáo C giữ vai trò chính trong vụ án.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Cao Không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nam có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo cùng gia đình bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ các quy định của pháp luật, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, buộc các bị cáo phải tập trung cải tạo một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của mình, có như vậy mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đáp ứng công tác phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo chưa có gia đình riêng, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị; nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có ý kiến gì nên không xem xét.

[8] Đối với chiếc xe máy BKS: 18G1-165.08 Trần Văn N đã dùng làm phương tiện phạm tội, CQĐT đã thu giữ. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của chị Đinh Thị H (em họ của N). Khi cho mượn xe, chị H không biết N sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp, CQĐT đã trả lại cho chị Hương là phù hợp.

[9] Đối với 01 xe máy BKS: 18E1- 342.88 bị cáo C đã chiếm đoạt của anh Vũ Duy Ng mang đi cầm cố Cơ quan ĐT đã thu giữ và đã trả lại cho anh Ng còn nguyên vẹn, nên không xem xét.

[10] Đối với chiếc xe máy BKS: 18G1- 238.91, C mượn của anh H để C và Đ đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định khi cho mượn xe anh H không biết C sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên không xem xét.

[11] Đối với Trần Quang Đ đã có hành vi cùng C trộm cắp tài sản nhà bà N gồm 01 tủ lạnh và 01 bình nóng lạnh với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 1.400.000 đồng, hành vi của Đ chưa đến mức phải xử lý bằng pháp luật hình sự, Công an huyện Giao Thủy đã xử lý bằng biện pháp hành chính là đúng pháp luật.

[12] Hành vi của Trần Thế Tr, Nguyễn Văn Tr, Phạm Văn Ph đã cùng Phạm Văn C đi cầm cố chiếc xe máy BKS: 18E1 – 342.88, quá trình điều tra xác định Tr, Tr, Ph không biết nguồn gốc chiếc xe do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý đối với Tr, Tr, Ph.

Đối với 01 giấy phép lái xe thu giữ tại nhà chị Phạm Thị Ng, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Trần Thế Tr, CQĐT đã trả lại cho gia đình Tr là phù hợp.

[13] Đối với 01 chiếc đục sắt dài khoảng 40cm, C, Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội, quá trình điều tra không thu giữ được nên không xem xét.

[14] Đối với 01 tờ giấy vở học sinh có chữ ký của chị Phạm Thị Ng liên quan đến hành vi phạm tội của C, nay tịch thu cho tiêu hủy.

[15] Hành vi của bà Nguyễn Thị M, chị L Thị K đã mua tài sản do trộm cắp là có, khi mua không biết là tài sản trộm cắp, nên không xem xét xử lý. Gia đình C và N đã bồi thường cho bà M số tiền 800.000 đồng, bồi thường cho chị K số tiền 160.000 đồng, hiện bà M, chị K không có yêu cầu gì nên trách nhiệm dân sự không xem xét.

[16] Đối với chị Phạm Thị Ng đã có hành vi cầm cố chiếc xe máy BKS 18 E1-342.88, tuy nhiên chị Ng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý. Gia đình C đã bồi thường cho chị Ng số tiền 3.500.000 đồng, hiện chị Ng không có yêu cầu gì nên trách nhiệm dân sự không xem xét.

[17] Đối với Trần Thế Tr có hành vi tự ý đến nhà chị Ng lấy thêm 500.000 đồng để tiêu xài cá nhân, gia đình C đã tự nguyện bồi thường cho chị Ng, C không có yêu cầu gì với Tr về số tiền trên nên vấn đề dân sự không xem xét.

[18] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C và Trần Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 01(một) năm tù về tội “*trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn C 01(một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự: Buộc Phạm Văn C phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn N 01(một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy một mảnh giấy có chữ ký của chị Phạm Thị Ng.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTNHQ14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo Phạm Văn C và Trần Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Phạm Văn C và Trần Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ

